

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ
VÀ CÔNG NGHIỆP-VINACOMIN

Số: 364/VIMCC-TCKT

V/v: Công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin
2. Mã chứng khoán: TVM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: 024.38 544 252 Fax: 024.38 543 164
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phùng Đức Trường – Kế toán trưởng
6. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022
7. Nội dung chi tiết được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ:
<http://vimcc.vn/>
8. Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phùng Đức Trường



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

HÀ NỘI, NĂM 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2022

Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin**I. Thông tin chung**

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin
- Tên tiếng anh: VINACOMIN INDUSTRY INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY (VIMCC)
- Tên viết tắt: VIMCC.,JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500237543
- Vốn điều lệ: 24.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 24.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 02438 544 252
- Số fax: 02438 543 164
- Website: WWW.VIMCC.VN
- Mã cổ phiếu: TVM
- Quá trình hình thành và phát triển:

Đề đáp ứng yêu cầu về công tác quy hoạch, thiết kế các mỏ than Việt Nam, ngày 22/9/1965 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng ký quyết định số 1139/BCNNg-KB2 thành lập “Viện Nghiên cứu và thiết kế mỏ” (gọi tắt là: Viện Mỏ), thuộc Tổng Công ty than Quảng Ninh.

Ngày 06/10/1969, Viện nghiên cứu thiết kế mỏ trực thuộc Tổng công ty than Hòn Gai, chuyển thành “Viện Quy hoạch và thiết kế than”, trực thuộc Bộ Điện và Than, đánh dấu một bước trưởng thành của cơ quan từ một Viện trực thuộc Tổng Công ty trở thành một Viện trực thuộc Bộ (QĐ số 108-QĐ/TC của Bộ trưởng Bộ Điện và Than).

Năm 1982 được sự quan tâm giúp đỡ của lãnh đạo Bộ, Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà sơn Bình, trụ sở chính thức của Viện đã được bắt đầu xây dựng tại Km 9 đường Nguyễn Trãi (Trụ sở hiện nay của Công ty).

Ngày 6/3/1984, Bộ Trưởng Bộ Mỏ và than, ký quyết định số 13-MT/TCCB hợp nhất “Viện Quy hoạch và thiết kế than” và “Viện Kinh tế mỏ” trở thành “Viện Quy hoạch kinh tế và thiết kế than”.

Ngày 19/10/1988 Bộ trưởng Bộ Năng Lượng ký quyết định số 1233-NL/TCCB-LĐ thành lập “Công ty Khảo sát thiết kế than” trên cơ sở sáp nhập “Công ty Khảo sát và thăm dò than” (Trụ sở tại 30.B phố Đoàn Thị Điểm Hà nội) với “Viện Quy hoạch Kinh tế và thiết kế than” (Trụ sở tại KM 9 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội). Nhiệm vụ là: Xây dựng quy hoạch phát triển ngành Than, thiết kế các công trình mỏ than và nghiên cứu các vấn đề kinh tế của ngành Than; thăm dò nâng cấp trữ lượng, thăm dò khai thác

các mỏ than, thăm dò địa chất công trình và đo đạc địa hình các công trình mỏ. Công ty gồm 6 đơn vị trực thuộc:

- XN Thăm dò than I (ở Cẩm Phả);
- XN Thăm dò than II (ở Mạo Khê);
- XN thăm dò Khảo sát III (ở Yên Viên);
- XN Thăm dò Khảo sát IV (ở Cẩm Phả);
- Phòng thiết kế tổng hợp ở Hòn gai (trước đây là Phân Viện thiết kế than Hòn Gai);
- XN Dịch vụ Khảo sát thiết kế (ở 30.B Đoàn Thị Điểm);
- Và cơ quan Công ty gồm các phòng quản lý và thực hiện công tác tư vấn, thiết kế.

Sau một thời gian vận hành, tổ chức cơ quan Công ty bất cập vì vừa phải tự sản xuất kinh doanh, vừa phải quản lý các Xí nghiệp trực thuộc trên địa bàn rộng nên ngày 15/01/1990 Bộ trưởng Năng Lượng ký Quyết số 08-NL/TCCB-LĐ tách các bộ phận thuộc Viện quy hoạch kinh tế và thiết kế than trước đây từ trong cơ quan công ty Khảo và thiết kế than, tổ chức lại thành :Xí nghiệp thiết kế than I" trực thuộc Công ty; Đồi Phòng Thiết kế tổng hợp Hòn Gai thành "Xí nghiệp thiết kế than II". Tách riêng cơ quan Công ty chỉ thực hiện chức năng quản lý cấp trên.

Ngày 13/12/1991 Bộ trưởng Năng Lượng ký quyết định số 614-NL/TCCB-LĐ tổ chức lại Công ty Khảo sát và Thiết kế than thành "Công ty Quy hoạch và thiết mỏ" trên cơ sở sáp nhập cơ quan Công ty Khảo sát và Thiết kế than và Xí nghiệp Thiết kế than I; các Xí nghiệp còn lại đưa về các Công ty than.

Ngày 19/6/1993 Bộ trưởng Bộ Năng Lượng ký quyết định số 358-NL/TCCB-LĐ, đổi tên Công ty thành "Công ty Khảo sát và Thiết kế mỏ".

Tại Quyết định số 137/NL-TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 Bộ trưởng Bộ Năng lượng chuyển "Công ty Khảo sát và thiết kế mỏ" về trực thuộc Tổng công ty than Việt nam từ ngày 01/4/1995.

Ngày 27/5/1996 Hội đồng quản trị Tổng công ty than Việt nam ban hành quyết định số 873-TVN/HĐQT đổi tên "Công ty Khảo sát và thiết kế Mỏ thành "Công ty Tư vấn xây dựng Mỏ và Công nghiệp". Tiếp đó theo đề nghị của Tổng công ty, ngày 29/01/1997 Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp ký quyết định số 197/QĐ-TCCB đổi tên công ty thành "Công ty Tư vấn Xây dựng mỏ và công nghiệp".

Ngày 05/4/2000 Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp ban hành quyết định số 23/2000/QĐ-BCN thành lập "Công ty Tư vấn đầu tư Mỏ và Công nghiệp" trên cơ sở hợp nhất Công ty Tư vấn đầu tư Điện-Thạch và Công ty Tư vấn xây dựng Mỏ và Công nghiệp.

Ngày 28/03/2006 Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - TKV (theo Quyết định số 3938/QĐ-BCN ngày 30/11/2005 của Bộ Công nghiệp).

Ngày 20/06/2011 đổi tên thành Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin (QĐ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011).

Năm 2012 Công ty tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư mỏ Lương Sơn với tỷ lệ nắm giữ 30% vốn điều lệ tương đương 2.400.000.000 đồng.

Năm 2012 Công ty mua lại 75.000 cổ phần của Công ty TNHH một thành viên than Ông Bí đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Ông Bí với giá trị chuyển nhượng là 765.000.000 đồng; và mua lại 1.500 cổ phần của Công ty TNHH một thành viên than Nam Mẫu đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Ông Bí với giá trị chuyển nhượng là 15.000.000 đồng. Kể từ ngày 01/09/2012 Công ty sở hữu 76.500 cổ phần tương đương với 51% vốn điều lệ của công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Ông Bí. Đến ngày 13/07/2015 Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Ông Bí tăng vốn điều lệ từ 1.500.000.000 đồng lên 2.700.000.000 đồng bằng cổ phiếu thưởng theo đó giá trị cổ phiếu Công ty tăng lên thành 137.700 cổ phần tương ứng bằng 1.377.000.000 đồng (chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Ông Bí). Năm 2020, Công ty mua lại toàn bộ số cổ phần của các cổ đông khác đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư than Ông Bí và chuyển đổi thành Công ty TNHH Tư vấn đầu tư than Ông Bí kể từ ngày 01/09/2020. Thực hiện phương án tái cơ cấu của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty hoàn thiện thủ tục chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư than Ông Bí từ ngày 31/12/2020 và đến ngày 22/02/2022, Công ty TNHH Tư vấn đầu tư than Ông Bí chính thức được phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh thông báo số 92/KHĐT/ĐKKD về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại.

- Thời điểm niêm yết: 15/12/2015

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, điện lực, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông;

+ Khảo sát, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp mỏ, công trình giao thông, công trình hạ tầng;

+ Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình xây dựng, công nghiệp;

+ Thiết kế công trình điện năng: Đường dây tải điện, trạm biến thế điện, công trình điện dân dụng và công nghiệp;

+ Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước khu công nghiệp, dân dụng, giao thông;

+ Tư vấn thẩm định các dự án đầu tư (chỉ thẩm định các thiết kế đã được đăng ký kinh doanh);

+ Thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các dự án đầu tư;

+ Thiết kế, khảo sát, khoan thăm dò địa chất công trình, địa chất thủy văn;

+ Thiết kế kỹ thuật trắc địa, đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính;

+ Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác mỏ; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ điện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí, công trình khai thác mỏ; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;

+ Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí, công trình khai thác mỏ;

+ Thiết kế công trình thủy lợi;

+ Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát; Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật phòng cháy và chữa cháy; Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy chữa cháy;

+ Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn xuất nhập khẩu thiết bị phụ tùng, nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho ngành mỏ và các ngành công nghiệp khác; Tư vấn đầu thầu, nghiên cứu đánh giá tác động môi trường, lập định mức đơn giá, định giá, chỉ số và suất đầu tư xây dựng chuyên ngành (không bao gồm tư vấn tài chính, thuế); Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Tư vấn giá thiết bị chuyên ngành mỏ và công nghiệp;

+ Dịch vụ thương mại;

+ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ;

+ Khai thác và thu gom than cứng: Khai thác, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm);

+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành khai khoáng và các ngành công nghiệp khác, công nghiệp, nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, các thiết bị dùng trong nhà máy điện; Bán buôn máy móc, thiết bị vệ sinh, gỗ chế biến, gỗ cây, sơn, vec ni;

+ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Bốc xúc vận tải khoáng sản, đất đá và san lấp mặt bằng;

+ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khai thác: Nghiên cứu ứng dụng khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế và đào tạo chuyển giao công nghệ ngành mỏ; Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp đặt các thiết bị và gia công cơ khí; Quan trắc môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược; bảo trì các công trình bảo vệ môi trường (trừ các hoạt động nhà nước cấm); Hoạt động phiên dịch; Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; Hoạt động biên dịch, dịch thuật;

+ Đại lý du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành Quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

+ Chế biến lâm sản và kinh doanh gỗ trụ mủ;

+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà ở, kho, bãi;

+ Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;

+ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;

+ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

+ Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn quặng kim loại, sắt, thép, kim loại khác (trừ kim loại nhà nước cấm);

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, vận tải, điện lực; Xây dựng, xây lắp các công trình bảo vệ môi trường;

+ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, kính xây dựng, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, gỗ chế biến, gỗ cây, sơn, vec ni;

+ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác: Dịch vụ bơm và tháo nước theo hợp đồng;

- + Xây dựng nhà để ở;
- + Xây dựng nhà không để ở;
- + Xây dựng công trình đường sắt;
- + Xây dựng công trình đường bộ;
- + Xây dựng công trình điện;
- + Xây dựng công trình khai khoáng;
- + Lắp đặt hệ thống điện;
- + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- + Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- + Bán buôn thực phẩm: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- + Bán buôn thực phẩm khác;
- + Bán buôn chuyên doanh khác: Kinh doanh các sản phẩm cơ khí (trừ các loại nhà nước cấm);
- + Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- + In ấn;
- + Phô tô, chuẩn bị các tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác.
- Địa bàn kinh doanh: Khu vực tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Lào Cai, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hòa Bình, Thái Nguyên, Lâm Đồng và các tỉnh thành khác tại Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty thực hiện tuân thủ theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

+ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ cụ thể theo quy định tại Điều lệ Công ty, một số nội dung chính sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức một năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

+ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin, các thành viên Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính, thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

- | | |
|-------------------------|------------|
| - Ông Nguyễn Trọng Hùng | - Chủ tịch |
| - Ông Lê Văn Duẩn | - Ủy viên |
| - Ông Lê Việt Phương | - Ủy viên |

+ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm và cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát bầu 01 người làm trưởng ban. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên sau:

- | | |
|------------------------|--------------|
| - Bà Trần Thị Minh Thu | - Trưởng Ban |
| - Ông Nguyễn Công Tân | - Ủy viên |
| - Bà Trần Phương Giang | - Ủy viên |

+ Ban giám đốc:

Ban giám đốc Công ty hiện nay bao gồm Giám đốc và 03 phó giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc Bãi nhiệm theo điều 33 Điều lệ của Công ty.

Cơ cấu Ban giám đốc đã điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

- | | |
|-------------------------|----------------|
| - Ông Lê Văn Duẩn | - Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Việt Cường | - Phó giám đốc |
| - Ông Lê Việt Phương | - Phó giám đốc |
| - Ông Đào Ngọc Hiệp | - Phó giám đốc |

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Tại thời điểm 31/12/2022 cơ cấu bộ máy tổ chức Công ty gồm:

Hội đồng quản trị: 03 người; Ban kiểm soát: 03 người;

Ban lãnh đạo, điều hành Công ty gồm: 01 Giám đốc, 03 Phó giám đốc, 01 Kế toán trưởng.

Tổng số cán bộ công nhân viên có mặt tại ngày 31/12/2022 là: 226 người.

Tại cơ quan Công ty bao gồm: 13 phòng ban, lao động bình quân là 192 người làm việc tại trụ sở chính số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty bao gồm 02 chi nhánh:

+ Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp thiết kế than Hòn Gai: gồm 06 phòng ban với 39 cán bộ công nhân viên, có trụ sở tại số 61, phố Ba Đèo, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

+ Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp thương mại và dịch vụ tổng hợp: gồm 05 phòng ban với 29 cán bộ công nhân viên có trụ sở tại tổ 35B, khu 3, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết

* Công ty liên kết

+ Tên công ty: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư mỏ Lương Sơn

+ Địa chỉ: Xã Cao Rãm – Huyện Lương Sơn – tỉnh Hòa Bình

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tư vấn thiết kế các công trình mỏ, khai thác đá, vật liệu xây dựng ...

+ Vốn điều lệ thực góp: 2.400.000.000 đồng

+ Tỷ lệ sở hữu: 30% vốn Điều lệ

Hiện nay công ty đã dừng hoạt động. Công ty đã thu hồi được 300 triệu đồng vốn góp và đang tiếp tục thu hồi trong thời gian tới.

4. Định hướng phát triển

Từ khi thành lập Viện nghiên cứu thiết kế mỏ mới thực hiện các bản vẽ thi công phục vụ cải tạo, khôi phục các mỏ khu vực Cẩm Phả, Hòn Gai, tiến đến lập thiết kế kỹ thuật các công trình và sau đó Viện, Công ty chủ trì lập tổng sơ đồ phát triển ngành than Việt Nam được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt và tư vấn, thiết kế các giai đoạn phục vụ đầu tư xây dựng các mỏ than trong cả nước, các mỏ ngoài than phục vụ phát triển công nghiệp khai khoáng, vật liệu xây dựng và sản xuất thuốc nổ công nghiệp... Hiện nay Công ty đang thực hiện hầu hết Dự án và thiết kế các mỏ, nhà máy tuyển đồng thời mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới như: Xây lắp, thương mại, chuyển giao công nghệ.

Để hội nhập và đáp ứng yêu cầu của thị trường, Công ty đã có chiến lược phát triển trung và dài hạn với một số mục tiêu và chiến lược chủ yếu sau:

- Phát triển Công ty dựa trên lĩnh vực chính là tư vấn thiết kế các công trình khai thác, chế biến, vận chuyển than - khoáng sản, từ đó phát triển mở rộng các ngành nghề dịch vụ liên quan, mở rộng thị trường trên nguyên tắc hạn chế tối đa đầu tư thêm vốn mà tập trung sử dụng các thế mạnh về nguồn nhân lực.

- Tập trung nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao trình độ, kỹ năng cho cán bộ thiết kế, hỗ trợ cho công tác tư vấn đầu tư nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn.

- Lấy chất lượng và tiến độ thực hiện công việc, công trình là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại và phát triển của Công ty.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng nhiều hình thức khác nhau, kể cả đào tạo kinh nghiệm thực tế để đáp ứng ngày càng cao của khách hàng và nâng cao thương hiệu cho Công ty trên thị trường.

- Không ngừng mở rộng quan hệ, hợp tác với các tổ chức, đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc các bên cùng có lợi.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Tr.đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm trước	Thực hiện năm 2022	% thực hiện so với năm trước	% thực hiện so với Kế hoạch
I	Tổng doanh thu	155.000	181.863	167.822	92,28	108,27
-	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	154.294	181.268	166.489	91,85	107,9
-	Doanh thu hoạt động tài chính và khác	706	595	1.333	224,03	188,81
II	Tổng chi phí	151.363	177.629	158.159	89,04	104,5
III	Lợi nhuận					
1	Lợi nhuận trước thuế	1.500	2.263	1.970	87,05	131,33
2	Lợi nhuận sau thuế		1.249	1.501	120,18	
IV	Các chỉ tiêu khác					
1	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		11.390	12.524	109,96	
2	Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		7,67	6,89	89,83	
3	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu		4,58	5,24	114,41	
4	Tổng quỹ lương	39.791	46.965	45.285	96,42	113,8
5	Số người lao động bình quân (người)	277	296	260	87,84	93,86
6	Tiền lương bình quân(trđ/ng/tháng)	11,971	13,22	14,515	109,79	121,25

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT	12.240	51	Người đại diện phân vốn của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam
2	Lê Văn Duẩn	Giám đốc	9.060	0,37	
3	Nguyễn Việt Cường	Phó giám đốc	2.811	0,12	
4	Lê Việt phương	Phó giám đốc	1.938	0,08	
5	Đào Ngọc Hiệp	Phó giám đốc	0	0	
6	Trần Thị Minh Thu	Trưởng ban kiểm soát	570	0,02	
7	Nguyễn Công Tân	Ủy viên ban kiểm soát	12.891	0,53	
8	Trần Phương Giang	Ủy viên ban kiểm soát	0	0	
9	Phùng Đức Trường	Kế toán trưởng	0	0	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Dự án: Đầu tư hệ thống thiết bị phòng họp trực tuyến tiêu chuẩn.
- + Tổng mức đầu tư trước thuế: 230 triệu đồng.
- + Giá trị thực hiện trước thuế: 205 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	% tăng, giảm so với năm trước
1. Tổng giá trị tài sản	187.530	200.265	106,79
2. Doanh thu thuần	181.268	166.489	91,85
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	2.421	2.114	87,32
4. Lợi nhuận khác	-158	-144	91,14
5. Lợi nhuận trước thuế	2.263	1.970	87,05
6. Lợi nhuận sau thuế	1.249	1.501	120,18
7. Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức/vốn điều lệ (%) (Dự kiến 2022)	3	3	100

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	% tăng, giảm so với năm trước
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	% tăng, giảm so với năm trước
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,28	1,24	96,39
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,97	1,01	104,31
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,72	0,75	104
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	4,58	5,24	114,58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,75	3,89	103,76
+ Vòng quay tổng tài sản	0,83	0,86	102,89
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0069	0,0090	130,84
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0424	0,0525	123,98
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0067	0,0075	112,53
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0134	0,0127	95,06

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Diễn giải	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1.	Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0
2.	Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	24.000.000.000	100
3.	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	2.400.000	24.000.000.000	100

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Nội dung	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)
*	Cơ cấu cổ đông	2.400.000	24.000.000.000	100
1	Cổ đông tổ chức	1.224.000	12.240.000.000	51
2	Cổ đông cá nhân	1.176.000	11.760.000.000	49
*	Phân theo lãnh thổ			
1	Cổ đông trong nước	2.400.000	24.000.000.000	100
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh

e) Các chứng khoán khác: Không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường

Công ty là đơn vị hoạt động chính trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, nghiên cứu khoa học và thương mại do vậy việc sử dụng các nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, sử dụng nguồn nước là quá nhỏ so với nền kinh tế nên coi như không ảnh hưởng đến môi trường.

Công ty tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động bình quân tại thời điểm 31/12/2022: 260 người

- Thu nhập bình quân: 14,515 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty duy trì việc khám sức khỏe cho người lao động mỗi năm 01 lần và khám chuyên khoa cho cán bộ nữ.

- Thực hiện tốt các chính sách cho người lao động: Chi chúc mừng sinh nhật cho toàn bộ người lao động trong Công ty; Đóng đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động; Thực hiện chế độ làm việc theo đúng nội quy lao động của Công ty và pháp luật hiện hành...

c) Hoạt động đào tạo lao động

- Hàng năm Công ty đều cử cán bộ, nhân viên học các lớp ngắn hạn, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Cử cán bộ nhân viên đăng ký dự thi để cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của nhà nước hiện hành.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Kết quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % so với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	181.863	155.000	167.822	92,28	108,27
2	Nộp ngân sách	Tr.đ	12.195		10.939	89,7	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.263	1.500	1.970	87,05	131,33
4	Lao động bình quân	Người	296	277	260	87,84	93,86
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	Tr.đ	13,222	11,971	14,515	109,79	121,25

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Thuận lợi:

- Công ty là đơn vị tư vấn thiết kế đặc thù có uy tín trong lĩnh vực Than và khoáng sản. Bởi vậy hầu hết các dịch vụ tư vấn thiết kế trong Tập đoàn than đều được Công ty thực hiện.

- Các khoản công nợ từ khi hình thành đều được các đơn vị trong Tập đoàn than thanh toán nhanh và dứt điểm.

- Là đơn vị tư vấn trong lĩnh vực Than và Khoáng sản lên hầu hết việc tư vấn thiết kế đối với Tổng Công ty Đông Bắc cũng được Công ty thực hiện.

- Các cán bộ công nhân viên Công ty hầu hết là những người có năng lực, kinh nghiệm và uy tín đối với các đối tác, khách hàng.

b) Khó khăn

- Năm 2022 là năm tiếp tục gặp khó về việc làm, công tác tư vấn thiết kế một số công trình được triển khai trong điều kiện tài liệu địa chất còn thiếu hoặc độ tin cậy thấp, cần phải tiến hành khoan thăm dò địa chất bổ sung nên sản phẩm tư vấn phải chỉnh sửa và kéo dài thời gian thực hiện; Trong năm qua việc đầu tư phát triển mở mới của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn chưa có mà chủ yếu là các dự án duy trì sản xuất nên cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn việc của Công ty.

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại cũng bị ảnh hưởng bởi đại dịch covid 19, do việc giao thương giữa Việt Nam và các nước bị gián đoạn dẫn đến hợp đồng ký kết với đối tác khách hàng cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Đồng thời chi phí nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển tăng cao, quá trình sản xuất hàng hóa của nhà cung cấp bị kéo dài dẫn đến doanh thu trong lĩnh vực thương mại năm 2022 giảm đáng kể.

- Lãi suất ngân hàng, tỷ giá tăng cao gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tổng tài sản đầu năm: 187,530 tỷ đồng

- Tổng tài sản cuối năm: 200,265 tỷ đồng

- Tổng tài sản tăng so với đầu năm: 12,735 tỷ đồng chủ yếu là do các hợp đồng được ghi nhận doanh thu vào tháng 12 nên công nợ phải thu tăng, công nợ phải trả tăng dẫn đến tổng tài sản tăng.

b) Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả đầu năm: 134,876 tỷ đồng

- Nợ phải trả cuối năm: 149,791 tỷ đồng

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm Công ty đã tiến hành xã hội hóa bộ phận nhà ăn và bộ phận xuất bản nhằm tập trung nguồn lực chất lượng cao trong công tác tư vấn đồng thời giảm lao động phục vụ, phụ trợ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

+ Xác định dịch vụ tư vấn thiết kế vẫn là lĩnh vực chính của Công ty, đối với lĩnh vực này đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực là hết sức quan trọng, quyết định sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty.

+ Định hướng phát triển nguồn nhân lực

Nhân lực là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự phát triển của Công ty. Vì vậy, đầu tư phát triển nguồn nhân lực có tri thức trong thời đại cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Định hướng phát triển nguồn nhân lực:

- Tiếp tục rà soát để tinh giảm lao động, duy trì tổng số lao động khoảng từ 220 ÷ 280 người trong giai đoạn đến năm 2030.

- Đảm bảo sự cân đối về lực lượng lao động giữa các khâu: Tỷ lệ lao động của khâu gián tiếp và khâu phục vụ, phụ trợ từ 40,3% như hiện nay giảm dần xuống còn dưới 35% vào năm 2023 và dưới 30% từ năm 2025.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cả về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn.

+ Đầu tư cơ sở vật chất:

- Tiếp tục đầu tư, thay thế các máy móc, thiết bị, phần mềm chuyên dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh một cách tốt nhất, hiệu quả nhất.

+ Mở rộng và phát triển thị trường sang một số lĩnh vực ngoài ngành than.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.224.0000	51	Người đại diện phân vốn của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam
2	Lê Văn Duẩn	Ủy viên HĐQT -Giám đốc	9.060	0,37	
3	Lê Việt phương	Ủy viên HĐQT-Phó giám đốc	1.938	0,08	

Ông Lê Việt Phương là người đại diện phân vốn của Công ty tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư mỏ Lương Sơn.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Ông Đào Huy Quân – Người quản trị Công ty - Thư ký Hội đồng quản trị

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin. Chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, giám sát Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty có hiệu quả, cụ thể là:

+ Công tác tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện: Trong năm HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp và ban hành 5 Nghị quyết phục vụ công tác quản trị công ty. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT theo lĩnh vực phụ trách.

Các văn bản của HĐQT được ban hành kịp thời dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT thường xuyên giám sát, kiểm tra Ban giám đốc điều hành về thực hiện các văn bản của HĐQT, do vậy mọi Nghị quyết của HĐQT đều được triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả.

HĐQT thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện Điều lệ Công ty.

+ Công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

HĐQT đã chỉ đạo Ban giám đốc điều hành công ty thực hiện theo Kế hoạch và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Hằng tháng, hằng quý đều xem xét đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD và đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời, phù hợp. Ngoài ra trong quá trình hoạt động SXKD, mọi vấn đề phát sinh đều được HĐQT chỉ đạo xử lý kịp thời.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Trần Thị Minh Thu	Trưởng ban	570	0,024	
2	Nguyễn Công Tân	Ủy viên	12.891	0,537	
3	Trần Phương Giang	Ủy viên	0	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động của Ban kiểm soát đã tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Công ty đúng kế hoạch, quy định của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam. Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, kết quả thực hiện giám sát như sau:

- Thực hiện kiểm tra hoạt động của các chi nhánh trong VIMCC và khối phòng ban chức năng Công ty về công tác quản lý doanh thu, chi phí, công nợ, tài sản, các hợp đồng đã ký kết..., đồng thời kiến nghị đơn vị điều chỉnh sai sót kịp thời.

- Định kỳ sau mỗi cuộc kiểm soát, Ban kiểm soát đều lập biên bản giám sát, kiến nghị HĐQT và Ban điều hành thực hiện các nội dung liên quan hoạt động SXKD của VIMCC theo thẩm quyền và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giám sát cho TKV.

- Thực hiện thẩm định cáo cáo tài chính quý và năm 2022 sau kiểm toán.

- Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã kiến nghị một số nội dung về quản lý tài chính, công tác kế toán, ký kết hợp đồng nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích đã chi trả năm 2022:

STT	Nội dung	Chức vụ	Thực hiện
1	Thù lao của Hội đồng quản trị		140.160.000
	Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch	51.840.000
	Ông Lê Văn Duẩn	Ủy viên	44.160.000
	Ông Lê Việt Phương	Ủy viên	44.160.000
2	Thu nhập của Ban giám đốc		1.489.422.400
	Ông Lê Văn Duẩn	Giám đốc	410.608.000
	Ông Lê Việt Phương	Phó giám đốc	359.008.000
	Ông Nguyễn Việt Cường	Phó giám đốc	368.507.200
	Ông Đào Ngọc Hiệp	Phó giám đốc	351.299.200
3	Thu nhập của Ban kiểm soát		319.800.000
	Bà Trần Thị Minh Thu	Trưởng ban	319.800.000
4	Thù lao của Ban kiểm soát		77.280.000
	Ông Nguyễn Công Tân	Ủy viên	40.320.000
	Bà Trần Phương Giang	Ủy viên	36.960.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không phát sinh.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không phát sinh

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng các Quy chế quy định trong nội bộ công ty cũng như các Quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam và pháp luật của nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của kiểm toán: Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO: (có báo cáo đính kèm).

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Giám đốc



Lê Văn Duẩn